

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

***BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT***

*Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010*

*đã được soát xét*

## **MỤC LỤC**

	<i><b>Trang</b></i>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	<b>3 – 5</b>
<b>Báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất</b>	<b>6</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét</b>	<b>7 – 29</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	7 – 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 – 13
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 – 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **1. KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Vang Thăng Long được cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Rượu - nước giải khát Thăng Long theo quyết định số 54/2001/QĐ-TTg ngày 23/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103001012 ngày 03 tháng 5 năm 2002. Phần vốn Nhà nước trong Công ty đã được chuyển giao cho Công ty Sản xuất và xuất nhập khẩu Nam Hà Nội, nay là Tổng công ty thương mại Hà Nội theo quyết định số 6539/QĐ-UB ngày 23/10/2003 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội. Trong quá trình hoạt động, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp 08 Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi.

Công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Rượu Vang Thăng Long được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104008334 ngày 22/10/2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ và Công ty con như sau:

#### ***Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Vang Thăng Long:***

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, vật liệu và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày;
- Kinh doanh lữ đoàn nội địa, lữ hành quốc tế, các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát Karaoke);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, đồ uống có cồn, lương thực, thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm, thủ công mỹ nghệ, hàng nhựa, hàng may mặc, hàng tiêu dùng;
- Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền sản xuất, nước giải khát có gas;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở;
- Sản xuất, mua bán, chế biến, ký gửi hàng nông, lâm, thủy sản;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy sản, hải sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản, mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

#### ***Công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Rượu Vang Thăng Long:***

- Xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không cồn, hàng công nghệ phẩm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Giám đốc** (tiếp theo)

---

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Xí nghiệp sản xuất hàng nhựa, có trụ sở đặt tại 191 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- Chi nhánh Cửa hàng kinh doanh tổng hợp, có trụ sở đặt tại 191 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội;
- Chi nhánh Cửa hàng Đông Đô, có trụ sở đặt tại 40 Phố Huế, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại Ninh Thuận, có trụ sở đặt tại Khu phố 8, thị trấn Phước Dân, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vang Thăng Long tại thành phố Hồ Chí Minh, có trụ sở đặt tại E1 đường D1 cư xá 304, phường 25, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

### **2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (trang 07 đến trang 29).

### **3. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Bà Mai Khuê Anh	Chủ tịch
Ông Nghiêm Xuân Thụy	Ủy viên
Bà Tô Thanh Huyền	Ủy viên
Ông Hoàng Minh Thọ	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên
Ông Phạm Xuân Hà	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Xuân Thụy	Giám đốc
Ông Hoàng Minh Thọ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc

### **4. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

### **5. KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Giám đốc** (tiếp theo)

---

### **6. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2010*

**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**

**Nghiêm Xuân Thụy**

Số : .../2010/BCSX-AASCN

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vang Thăng Long**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 được trình bày từ trang 07 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010 này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vang Thăng Long. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010 theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2010 không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2010 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2010*

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt  
P.Giám đốc**

**Kiểm toán viên**

**Bùi Ngọc Hà**  
Chứng chỉ KTV số: 0662/KTV

**Bùi Ngọc Vương**  
Chứng chỉ KTV số: 0941/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

*Đơn vị tính: VND*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>57.878.985.361</b>	<b>80.454.797.536</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.132.655.768</b>	<b>19.755.940.384</b>
1. Tiền	111	V.1	3.132.655.768	19.755.940.384
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2	<b>1.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.000.000.000	7.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>4.802.646.033</b>	<b>20.442.334.717</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		3.066.286.692	19.432.506.134
2. Trả trước cho người bán	132		821.946.132	1.039.751.711
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	955.492.392	11.156.055
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(41.079.183)	(41.079.183)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>43.639.156.708</b>	<b>32.794.047.750</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.4	43.639.156.708	32.794.047.750
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.304.526.852</b>	<b>462.474.685</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.359.660.212	22.763.670
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		985.133.018	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.5	1.538.740.749	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		420.992.873	439.711.015

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>24.613.528.609</b>	<b>24.169.077.790</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.561.991.800</b>	<b>173.303.550</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.7	1.561.991.800	173.303.550
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>19.697.051.462</b>	<b>20.792.023.152</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	17.573.154.530	18.971.013.648
- Nguyên giá	222		46.572.038.552	46.169.144.007
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(28.998.884.022)	(27.198.130.359)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	175.998.668	198.643.610
- Nguyên giá	228		690.600.764	690.600.764
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(514.602.096)	(491.957.154)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1.947.898.264	1.622.365.894
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
1. Nguyên giá	241		-	-
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.13</b>	<b>3.086.300.000</b>	<b>3.086.300.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		3.086.300.000	3.086.300.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>268.185.347</b>	<b>117.451.088</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	268.185.347	117.451.088
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>82.492.513.970</b>	<b>104.623.875.326</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>51.001.055.372</b>	<b>71.240.270.695</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>42.914.972.420</b>	<b>64.847.257.887</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	33.402.168.261	25.490.858.593
2. Phải trả người bán	312		1.653.124.056	2.432.956.369
3. Người mua trả tiền trước	313		590.708.927	12.875.575.391
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1.039.487.107	13.409.650.586
5. Phải trả người lao động	315		1.966.080.344	2.822.010.930
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2.963.767.932	2.698.475.000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	1.297.301.533	5.107.696.758
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.334.260	160.737.374
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.086.082.952</b>	<b>6.393.012.808</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		131.128.701	131.128.701
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		2.410.867.858	2.402.185.714
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	5.533.058.000	3.847.500.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		11.028.393	12.198.393
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	V.22	<b>31.491.458.598</b>	<b>33.232.901.517</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>31.491.458.598</b>	<b>33.232.901.517</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.000.000.000	18.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(11.800.000)	(11.800.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.168.273
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.135.474.571	8.135.474.571
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.697.048.248	1.697.048.248
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	73.435.757
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.670.735.779	5.337.574.668
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>82.492.513.970</b>	<b>104.623.875.326</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

---

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại			
<i>USD</i>		2.000,6	1.995,42
<i>EUR</i>		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**Ghi chú:** Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( ).

Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2010

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Trần Thị Hoàng Liên**

**Trần Thị Hoàng Liên**

**Nghiêm Xuân Thụy**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**6 tháng đầu năm 2010**

*Đơn vị tính: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	VI.25	<b>35.728.265.370</b>	<b>30.687.498.169</b>
2. Các khoản giảm trừ	03	VI.26	2.282.321.105	3.554.993.155
<b>3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	VI.27	<b>33.445.944.265</b>	<b>27.132.505.014</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	27.093.041.412	19.659.026.721
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>6.352.902.853</b>	<b>7.473.478.293</b>
6. Doanh thu tài chính	21	VI.29	322.325.366	93.132.369
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	195.914.201	1.062.979.701
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>29.955.377</i>	<i>933.129.594</i>
8. Chi phí bán hàng	24		4.332.759.146	1.634.217.435
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.684.828.382	4.221.295.580
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>461.726.490</b>	<b>648.117.946</b>
11. Thu nhập khác	31		10.134	429
12. Chi phí khác	32		17.875.284	49.392.888
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(17.865.150)</b>	<b>(49.392.459)</b>
<b>14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>443.861.340</b>	<b>598.725.487</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	115.433.985	146.504.908
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>18. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>328.427.355</b>	<b>452.220.579</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		<b>328.427.355</b>	<b>452.220.579</b>
<b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	V.22	<b>183</b>	<b>251</b>

*Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2010*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Trần Thị Hoàng Liên**

**Trần Thị Hoàng Liên**

**Nghiêm Xuân Thụy**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
**6 tháng đầu năm 2010**

*Đơn vị tính: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		78.280.930.660	45.972.378.231
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(87.534.979.142)	(13.177.437.004)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.065.820.961)	(4.429.689.519)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.814.345.149)	(1.410.898.441)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(99.776.961)	(931.038.731)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4.079.763.298	1.197.397.731
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.061.472.029)	(14.940.923.267)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(30.215.700.284)</b>	<b>12.279.789.000</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25.750.000)	(3.768.450)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.000.000.000)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		20.000.000.000	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	80.768.541
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.974.250.000</b>	<b>77.000.091</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		34.562.736.873	3.344.616.572
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(24.965.869.205)	(21.975.296.095)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.978.702.000)	(1.819.131.566)
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.618.165.668</b>	<b>(20.449.811.089)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất** (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(16.623.284.616)</b>	<b>(8.093.021.998)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>19.755.940.384</b>	<b>11.123.315.010</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.I	<b>3.132.655.768</b>	<b>3.030.293.012</b>

*Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2010***Người lập biểu****Kế toán trưởng****Giám đốc****Trần Thị Hoàng Liên****Trần Thị Hoàng Liên****Nghiêm Xuân Thụy**

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty Cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất, xây dựng, thương mại và dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

***Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Vang Thăng Long:***

- Sản xuất nước uống các loại có cồn và không có cồn, các loại bao bì;
- Kinh doanh khách sạn, các sản phẩm hàng hóa ăn uống, lương thực, thực phẩm chế biến;
- Sản xuất, buôn bán các mặt hàng công nghệ phẩm, tạp phẩm, thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng nhựa, may mặc đồ da, giả da và sản phẩm in các loại;
- Buôn bán các mặt hàng tiêu dùng, tư liệu sản xuất, vật liệu và thiết bị xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà ở, văn phòng, cửa hàng, phòng trưng bày;
- Kinh doanh lữ đoàn nội địa, lữ hành quốc tế, các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát Karaoke);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, đồ uống có cồn, lương thực, thực phẩm, các mặt hàng công nghệ phẩm, thủ công mỹ nghệ, hàng nhựa, hàng may mặc, hàng tiêu dùng;
- Tư vấn, lắp đặt, chuyển giao công nghệ, cung cấp thiết bị, dây chuyền sản xuất, nước giải khát có gas;
- Đầu tư, kinh doanh nhà ở;
- Sản xuất, mua bán, chế biến, ký gửi hàng nông, lâm, thủy sản;
- Mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, ngành chế biến nông, lâm, thủy sản, hải sản;
- Sản xuất, chế biến, bảo quản, mua bán rau quả, thức ăn đông lạnh;
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng xe ô tô;
- Xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cơ sở hạ tầng, san lấp mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

***Công ty con - Công ty TNHH Một thành viên Rượu Vang Thăng Long:***

- Xuất nhập khẩu, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm rượu, đồ uống có cồn, không cồn, hàng công nghệ phẩm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

#### 4. Thông tin về Công ty con

Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính này như sau:

Công ty con	Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn thực tế tại 30/6/2010		
		Vốn CSH tại 30/6/2010	Giá trị vốn của Công ty mẹ tại Công ty con	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH một thành viên Rượu Vang Thăng Long	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	100

### II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Niên độ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

**Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác:**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### **2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

*Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:*

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

*Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:*

Khấu hao của TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

### **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phạt phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác**

Các khoản chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị lợi thế kinh doanh;
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng phân bổ cho nhiều năm tài chính;
- Các khoản chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước khác vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch tăng giữa giá thực tế phát hành so với mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng:***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính:***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### ***Doanh thu hợp đồng xây dựng:***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn

## CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG THẮNG LONG

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

### 12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### 15. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

#### ***Bảng cân đối kế toán hợp nhất:***

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và các Công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- + Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- + Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:
  - \* Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào các Công ty con.
  - \* Lợi ích của Cổ đông thiểu số.
  - \* Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa Công ty mẹ với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau.

Ngoài ra, khoản đầu tư của Công ty mẹ và các Công ty con vào Công ty liên kết, liên doanh được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### ***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:***

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và các Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- + Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- + Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
  - \* Doanh thu, giá vốn hàng bán nội bộ giữa Công ty mẹ với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

- \* Lãi lỗ nội bộ chưa thực hiện giữa Công ty mẹ với các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau.
- \* Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số.
- \* Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ.

Ngoài ra, phần lãi (hoặc lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh của Công ty mẹ và các Công ty con được xác định theo phương pháp vốn chủ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

***Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất:***

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và các Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và của các Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương và loại trừ dòng tiền nội bộ trên các báo cáo này.
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty mẹ và của các Công ty con được lập thống nhất toàn bộ theo phương pháp gián tiếp.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND***1. Tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt tại quỹ	1.001.460.048	1.060.847.733
- Tiền gửi ngân hàng	2.131.195.720	18.695.092.651
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>3.132.655.768</u></b>	<b><u>19.755.940.384</u></b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.000.000.000	-	7.000.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b><u>1.000.000.000</u></b>	-	<b><u>7.000.000.000</u></b>

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu của người lao động	216.435.551	-
- Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu khác	739.056.841	11.156.055
<b>Cộng</b>	<b><u>955.492.392</u></b>	<b><u>11.156.055</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3 ngõ 191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	17.551.836.493	12.885.583.152
- Công cụ, dụng cụ	645.959.843	355.225.170
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	22.950.735.173	6.659.619.771
- Thành phẩm	1.316.793.636	1.287.203.375
- Hàng hoá	1.123.084.463	11.606.416.282
- Hàng gửi bán	50.747.100	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>43.639.156.708</b>	<b>32.794.047.750</b>
<b>5. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Thuế giá trị gia tăng	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	-
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	1.538.740.749	-
<b>Cộng</b>	<b>1.538.740.749</b>	<b>-</b>
<b>7. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
- Phải thu dài hạn khác	1.561.991.800	173.303.550
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Nội thất	706.070.500	-
+ Tổng Công ty Đầu tư xây dựng cấp thoát nước và Môi trường Việt Nam	681.635.500	-
+ Phải thu dài hạn khác	174.285.800	173.303.550
<b>Cộng</b>	<b>1.561.991.800</b>	<b>173.303.550</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Tài sản khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.629.698.689</b>	<b>27.786.080.027</b>	<b>3.015.977.488</b>	<b>738.579.781</b>	<b>998.808.022</b>	<b>46.169.144.007</b>
- Mua trong kỳ	392.744.545	-	-	10.150.000	-	402.894.545
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>14.022.443.234</b>	<b>27.786.080.027</b>	<b>3.015.977.488</b>	<b>748.729.781</b>	<b>998.808.022</b>	<b>46.572.038.552</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>7.040.811.602</b>	<b>17.478.636.567</b>	<b>1.368.018.897</b>	<b>566.614.121</b>	<b>744.049.172</b>	<b>27.198.130.359</b>
- Số khấu hao trong kỳ	437.083.381	1.244.522.921	80.897.042	13.987.846	24.262.473	1.800.753.663
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7.477.894.983</b>	<b>18.723.159.488</b>	<b>1.448.915.939</b>	<b>580.601.967</b>	<b>768.311.645</b>	<b>28.998.884.022</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>6.588.887.087</b>	<b>10.307.443.460</b>	<b>1.647.958.591</b>	<b>171.965.660</b>	<b>254.758.850</b>	<b>18.971.013.648</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>6.544.548.251</b>	<b>9.062.920.539</b>	<b>1.567.061.549</b>	<b>168.127.814</b>	<b>230.496.377</b>	<b>17.573.154.530</b>

Đơn vị tính: VND

**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Bản quyền, bằng sáng chế	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>255.498.856</i>	<i>183.101.908</i>	<i>252.000.000</i>	<i>690.600.764</i>
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>255.498.856</i>	<i>183.101.908</i>	<i>252.000.000</i>	<i>690.600.764</i>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>150.287.326</i>	<i>119.419.828</i>	<i>222.250.000</i>	<i>491.957.154</i>
- Số khấu hao trong kỳ	3.026.190	3.868.752	15.750.000	22.644.942
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>153.313.516</i>	<i>123.288.580</i>	<i>238.000.000</i>	<i>514.602.096</i>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>105.211.530</i>	<i>63.682.080</i>	<i>29.750.000</i>	<i>198.643.610</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>102.185.340</i>	<i>59.813.328</i>	<i>14.000.000</i>	<i>175.998.668</i>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Xưởng sản xuất hàng nhựa	253.937.328	109.738.594
- Công trình 45 Lạc Long Quân	675.665.573	494.331.937
- Công trình 118 Lạc Long Quân	887.191.727	887.191.727
- Nhà máy bao bì carton	131.103.636	131.103.636
<b>Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.947.898.264</b>	<b>1.622.365.894</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3/191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**13. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
- Đầu tư dài hạn khác	308.630	3.086.300.000	308.630	3.086.300.000
+Đầu tư cổ phiếu (*)	308.630	3.086.300.000	308.630	3.086.300.000
<b>Cộng</b>	<b>308.630</b>	<b>3.086.300.000</b>	<b>308.630</b>	<b>3.086.300.000</b>

(\*): Đến thời điểm 30/6/2010, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Rượu Hapro số tiền 3.086.300.000 đồng, trong đó huy động từ cán bộ công nhân viên số tiền 2.086.300.000 đồng. Công ty đã cam kết mua số lượng cổ phần tương đương 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rượu Hapro với số tiền 4.000.000.000 đồng, trong số đó, 50% sẽ được đầu tư từ nguồn vốn của Công ty và 50% sẽ được huy động từ cán bộ công nhân viên.

**14. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Giá trị còn lại của các thiết bị không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ hữu hình	268.185.347	117.451.088
<b>Cộng</b>	<b>268.185.347</b>	<b>117.451.088</b>

**15. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>33.402.168.261</b>	<b>24.385.233.593</b>
- Vay ngân hàng	32.667.168.261	19.230.233.593
- Vay các đối tượng khác	735.000.000	5.155.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>1.105.625.000</b>
- Vay ngân hàng	-	1.105.625.000
- Vay các đối tượng khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>33.402.168.261</b>	<b>25.490.858.593</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THẮNG LONG**

Số 3/191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT	905.398	4.464.623.927
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	28.255.995	7.947.710.749
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.007.494.048	991.837.023
- Thuế thu nhập cá nhân	2.831.666	5.478.887
<b>Cộng</b>	<b><u>1.039.487.107</u></b>	<b><u>13.409.650.586</u></b>

**17. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí lãi vay	50.000.000	50.000.000
- Trích trước chi phí vận chuyển	-	160.000.000
- Chi phí bán hàng phải trả	2.913.767.932	2.488.475.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.963.767.932</u></b>	<b><u>2.698.475.000</u></b>

**18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	-	68.147.626
- Bảo hiểm xã hội	4.600.000	54.879.356
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.292.701.533	4.984.669.776
+ Tiền đền bù đất tại Xưởng nhựa	416.350.789	416.350.789
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	876.350.744	4.568.318.987
<b>Cộng</b>	<b><u>1.297.301.533</u></b>	<b><u>5.107.696.758</u></b>

**20. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay dài hạn</b>	<b><u>5.533.058.000</u></b>	<b><u>3.847.500.000</u></b>
- Vay ngân hàng	5.533.058.000	3.847.500.000
- Vay đối tượng khác	-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>5.533.058.000</u></b>	<b><u>3.847.500.000</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VANG THĂNG LONG**

Số 3/191 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn đầu tư Của CSH</i>	<i>Cổ phiếu quỹ</i>	<i>Chênh lệch TG hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>Quỹ DP tài chính</i>	<i>Quỹ khác thuộc vốn CSH</i>	<i>LNST chưa phân phối</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>(11.800.000)</b>	-	<b>7.364.399.127</b>	<b>1.513.458.857</b>	<b>50.580.472</b>	<b>4.203.187.135</b>	<b>31.119.825.591</b>
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	1.168.273	-	-	29.419.528	-	30.587.801
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	4.680.416.601	3.514.578.014
- Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	771.075.444	183.589.391	73.435.757	(3.442.084.523)	(2.413.983.931)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(80.000.000)	(103.944.546)	(183.944.546)
<b>Số dư cuối năm trước/ đầu năm nay</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>(11.800.000)</b>	<b>1.168.273</b>	<b>8.135.474.571</b>	<b>1.697.048.248</b>	<b>73.435.757</b>	<b>5.337.574.667</b>	<b>33.232.901.516</b>
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	328.427.355	328.427.355
- Trích lập các quỹ năm nay	-	-	-	-	-	-	(16.564.243)	(16.564.243)
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	(1.978.702.000)	(1.978.702.000)
- Giảm khác	-	-	(1.168.273)	-	-	(73.435.757)	-	(74.604.030)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>(11.800.000)</b>	-	<b>8.135.474.571</b>	<b>1.697.048.248</b>	-	<b>3.670.735.779</b>	<b>31.491.458.598</b>

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Vốn góp của Nhà nước	7.200.000.000	11.400.000.000
- Vốn góp của các cổ đông khác	10.800.000.000	8.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>18.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

Số lượng cổ phiếu quỹ: 1.180 Cổ phiếu

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	18.000.000.000	18.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	-
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	18.000.000.000	18.000.000.000
- Cổ tức lợi nhuận được chia	1.978.702.000	-

**d. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.800.000	1.800.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.800.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.800.000	1.800.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.180	1.180
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.180	1.180
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.798.820	1.798.820
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.798.820	1.798.820
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành		10.000 VND

**e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	328.427.355	452.220.579
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm Lợi nhuận kế toán để xác định Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	328.427.355	452.220.579
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.798.820	1.798.820
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	183	251

*Đơn vị tính: VND*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Doanh thu bán hàng	35.528.863.789	30.424.729.051
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	199.401.581	262.769.118
<b>Cộng</b>	<b>35.728.265.370</b>	<b>30.687.498.169</b>

**26. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Chiết khấu thương mại	228.213.023	142.027.589
- Giảm giá hàng bán	-	-
- Hàng bán bị trả lại	176.398.639	71.722.909
- Thuế TTĐB	1.877.709.443	3.341.242.657
<b>Cộng</b>	<b>2.282.321.105</b>	<b>3.554.993.155</b>

**27. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	33.246.542.684	26.869.735.896
- Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ	199.401.581	262.769.118
<b>Cộng</b>	<b>33.445.944.265</b>	<b>27.132.505.014</b>

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.038.747.135	6.025.600.990
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	8.051.310.231	13.633.425.731
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.984.046	-
<b>Cộng</b>	<b>27.093.041.412</b>	<b>19.659.026.721</b>

**29. Doanh thu tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Lãi tiền gửi	322.325.366	93.132.369
- Cổ tức lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>322.325.366</b>	<b>93.132.369</b>

*Đơn vị tính: VND*

**30. Chi phí tài chính**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Chi phí lãi vay	29.955.377	933.129.594
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	165.958.824	129.850.107
- Chi phí tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>195.914.201</b>	<b>1.062.979.701</b>

**31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	115.433.985	146.504.908
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>115.433.985</b>	<b>146.504.908</b>

**33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>6 tháng đầu năm 2010</b>	<b>6 tháng đầu năm 2009</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.606.351.976	15.237.952.197
- Chi phí nhân công	5.324.339.160	4.982.179.090
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.823.398.605	2.052.994.107
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.909.413.681	2.328.202.921
- Chi phí khác bằng tiền	779.831.146	650.193.000
<b>Cộng</b>	<b>30.443.334.568</b>	<b>25.251.521.315</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**5. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2009 của Công ty Cổ phần Vang Thăng Long và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

*Hà Nội, ngày 05 tháng 8 năm 2010*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Giám đốc**

**Trần Thị Hoàng Liên**

**Trần Thị Hoàng Liên**

**Nghiêm Xuân Thụy**